TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/KDTM-ST
Ngày: 13/8/2020
V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lâm Sơn.

2. Bà Nguyễn Thị Ly.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vỉnh, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2020/TLST-KDTM ngày 12 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 303/2020/QĐXXST-KDTM, ngày 07 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần tập đoàn L; địa chỉ: số 23, đường H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Là đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của ông T: Ông Nguyễn Tiến P – Chức vụ: Phó Ban Hành chính – Pháp lý. Là đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền số 110/UQ.TĐLT ngày 28/5/2019).

Người đại diện hợp pháp của ông P: Ông Huỳnh Đăng S, sinh năm 1983 – Chức vụ: Chuyên viên Pháp lý; địa chỉ liên hệ: lầu 3, 72 Nguyễn Cơ T, phường A, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Là đại diện theo ủy quyền lại (theo Văn bản ủy quyền số 109/UQ.TĐLT ngày 20/4/2020), (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Tố N, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 22/10/2015, giữa Công ty cổ phần tập đoàn L (sau đây gọi tắt là Công ty) và bà Phan Thị Tố N có thỏa thuận ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 72/HĐMB-TĐLĐ. Theo nội dung thỏa thuận của hợp đồng thì phía Công ty sẽ cung cấp (bán) các loại phân bón và vật tư nông nghiệp (có phụ lục danh mục đính kèm) cho bà N. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trong hợp đồng. Tuy nhiên, phía bà N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền hàng theo thỏa thuận giữa các bên. Theo văn bản xác nhận công nợ giữa Công ty với bà N từ ngày 01/6/2017 đến ngày 30/6/2017 thì bà N nợ Công ty số tiền vốn gốc là 498.442.838 đồng. Mặc dù, Công ty đã nhắc nhở và yêu cầu bà N thanh toán nhiều lần nhưng bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ theo cam kết. Nay, Công ty cổ phần tập đoàn L yêu cầu bà Phan Thị Tố N có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua bán phân bón và vật tư nông nghiệp còn nợ vốn gốc: 498.442.838 đồng, lãi chậm thanh toán: 157.328.324 đồng. Tổng cộng: 645.771.162 đồng (tính đến ngày 23/3/2020) và tiền lãi chậm thanh toán đối với nợ gốc: 498.442.838 đồng từ sau ngày 23/3/2020 đến ngày Tòa án xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu bà Phan Thị Tố N có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua bán phân bón và vật tư nông nghiệp còn nợ vốn gốc: 498.442.838 đồng, lãi chậm thanh toán từ ngày 03/7/2017 đến ngày 03/7/2020 theo mức lãi suất 10%/năm.

Bị đơn bà Phan Thị Tố N được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Ngày 22/10/2015, giữa Công ty cổ phần tập đoàn L (Công ty) và bà Phan Thị Tố N, ký hợp đồng mua bán hàng hóa, thỏa thuận phía

Công ty cung cấp các loại phân bón, vật tư nông nghiệp cho bà N, quá trình thực hiện hợp đồng, bà N thực hiện đầy đủ nghĩa vụ. Đến ngày 01/6/2017, bà N ký văn bản xác nhận nợ 498.442.838 đồng nhưng không thanh toán. Công ty yêu cầu bà N trả 498.442.838 đồng, lãi chậm thanh toán: 157.328.324 đồng, tổng cộng 645.771.162 đồng, tính lãi chậm thanh toán đối với vốn gốc từ ngày 23/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Nay, nguyên đơn thay đổi yêu cuầ khởi kiện về phần tính lãi suất là 10%/năm trên tiền vốn 498.442.838 đồng từ ngày 03/7/2017 đến ngày 03/7/2020, là 1096 ngày x 0,028%/ngày (10%/năm) x 498.442.838 đồng = 152.962.138 đồng.

Phía bà N đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty với bà N được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và được lập thành văn bản ngày 22/10/2015. Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 03/7/2017, bà N ký xác nhận công nợ với số tiền vốn 498.442.838 đồng. Do bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết nên Công ty khởi kiện là có căn cứ phù hợp với Điều 430, 440 Bộ luật dân sự. Về lãi suất, do bà N chậm thực hiện nghĩa vụ ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty nên việc Công ty yêu cầu tính lãi suất là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự và Điều 50 Luật thương mại, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần tập đoàn L đối với bà Phan Thị Tố N.

- Buộc bà Phan Thị Tố N có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần tập đoàn L số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là số tiền vốn 498.442.838 đồng, số tiền lãi tính đến ngày 03/7/2020 là 152.962.138 đồng. Tổng cộng: 651.404.976 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bà Phan Thị Tố N. Bà N có nơi cư trú ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bà Phan Thị Tố N do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 72/HĐMB-TĐLĐ, nên đây là tranh chấp xuất phát từ quan hệ *"Hợp đồng mua bán hàng hóa"*. Đồng thời, tranh chấp này phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên đây là vụ án kinh doanh thương mại theo Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Tại phiên Tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày 03/7/2017 đến ngày 03/7/2020 theo mức lãi suất 10%/năm. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự và sự thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[5] Hợp đồng mua bán hàng hóa số 72/HĐMB-TĐLĐ ngày 22/10/2015, được ký kết giữa Công ty với bà N được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng mua bán hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phía nguyên đơn khởi kiện là có cơ sở phù hợp Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự 2015, Điều 50 Luật thương mại 2005. Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn xác định số tiền mua bán mà bà N chưa thanh toán là 498.442.838 đồng. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập bà N tham gia phiên họp tiếp cận công khai chưng cứ, hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà N vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Bên cạnh đó, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ thì phía nguyên đơn đã cung cấp "*Giấy xác nhận công nợ từ ngày 01/6/2017 đến ngày 30/6/2017"*. Theo đó, thể hiện nội dung dư nợ cuối kỳ 498.442.838 đồng và có chữ ký xác nhận khách hàng là bà Phan Thị Tố N. Do đó, căn cứ Điều 92 có cơ sở xác định số tiền mà bà N còn nợ Công ty là 498.442.838 đồng và xét buộc bà N phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền này cho nguyên đơn là phù hợp.

[6] Ngoài yêu cầu trả vốn, đại diện nguyên đơn có yêu cầu bà N chịu tiền lãi chậm trả từ ngày 03/7/2017 đến ngày 03/7/2020 theo mức lãi suất 10%/năm. Hội đồng xét xử xét thấy, bà N là người có trách nhiệm thanh toán tiền mua hàng hóa cho Công ty theo thỏa thuận, nhưng do bà N đã không thực hiện trách nhiệm của mình là vi phạm nghĩa vụ chậm thanh toán cho Công ty nên phải chịu khoản tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ đến khi bà N thanh toán xong khoản nợ gốc là phù hợp với Điều 357 Bộ luật dân sự 2015. Đối với mức lãi suất 10%/năm theo yêu cầu của người đại diện hợp của Công ty là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 Ngân hàng thương mại, xét nên chấp nhận. Cụ thể:

Từ ngày 03/7/2017 đến ngày 03/7/2020 là 1096 ngày x 0,028%/ngày (10%/năm) x 498.442.838đ = 152.962.138đ.

[7] Từ những phân tích trên, có cơ sở buộc bà N phải có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần tập đoàn L số tiền vốn 498.442.838đ, số tiền lãi tính đến ngày 03/7/2020 là 152.962.138đ. Tổng cộng: 651.404.976đ.

[8] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do bà N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty nên phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự 2015.

- Điều 50 Luật thương mại 2005;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần tập đoàn L đối với bà Phan Thị Tố N.

Buộc Phan Thị Tố N có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần tập đoàn L số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là số tiền vốn 498.442.838đ, số tiền lãi tính đến ngày 03/7/2020 là 152.962.138đ. Tổng cộng: 651.404.976đ (Sáu trăm năm mươi mốt triệu, bốn trăm lẻ bốn nghìn, chín trăm bảy mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bà Phan Thị Tố N phải chịu 30.056.199 (Ba mươi triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm chín mươi chín đồng).

Hoàn lại cho cho Công ty cổ phần tập đoàn L tiền tạm ứng án phí 14.915.000đ, theo biên lai thu số 0008348, ngày 12/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư